

Tháng Tư, tìm người mất xác

HUỲNH KIM QUANG

Buổi sáng hôm ấy, bầu trời trong veo. Mặt trời vừa lên khỏi rặng tre sau vườn nhà. Những tia nắng đầu ngày rọi qua giọt sương mai lóng lánh chưa kịp tan còn đọng trên đầu ngọn cỏ xanh mơn mớn. Tiểu thế giới bình an và kỳ diệu lặng lẽ có mặt giữa đất nước loạn ly đang ở vào những ngày tuyệt vọng giẫy chết!

Đó là một ngày đầu tháng 4 năm 1975, khoảng vài mươi ngày trước khi Sài Gòn thất thủ. Trong buổi sáng hôm đó gia đình tôi nhận được hung tin. Người anh thứ Bốn của tôi đã bị Cộng Sản giết tập thể cùng với hơn một trăm hai mươi quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa khác tại Núi Đất, Xã Hòa Định, Quận Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Cha tôi kêu người anh thứ Bảy và tôi cùng đi đến đó để tìm xác anh tôi mà đem về chôn. Chúng tôi đi bộ. Con đường đất dài khoảng 3, 4 cây số. Từ nhà tôi đi dọc theo hướng tây con mương chạy theo Đường Liên Tỉnh Lộ 7 đến Mương Số 1 thì quẹo phải rồi băng qua cánh đồng rộng để vào chân Núi Đất.

Mới vừa tới đầu Mương Số 1 thì đã thấy nhiều người đi ngược đi xuôi. Kê thì khóc than, kêu la thảm thiết. Người thì khiêng xác được bó lại trong những chiếc chiếu hay miếng nhựa cột hai đầu treo dưới đòn gánh bằng tre.

Lúc đến bìa rừng gần nơi bãi xác người thì bắt đầu ngửi được mùi tử thi xông lên nồng nặc. Đến khi vào tới chỗ hiện trường bãi đất xử bắn thì mùi tử thi bốc lên không thể nào ngửi được nữa. Cha tôi đã đưa cho anh tôi và tôi mỗi người mỗi tấm vải và chai dầu Song Thập. Ông kêu đổ dầu lên vải rồi bịt vào mũi để đánh tan bớt mùi hôi. Tôi làm theo. Đổ dầu lên miếng vải rồi lấy một tay bịt vào mũi. Mới đầu thì còn nghe mùi dầu nhưng chỉ trong chốc lát thì mùi dầu như bay hết, chỉ còn mùi xác chết thối rữa nặng kinh khủng. Ngày thường, nếu đổ dầu Song Thập mà hít vào mũi như vậy là ngộp thở ngay vì mùi dầu rất nặng. Nhưng vì lúc đó không còn thần trí đâu để ngại ngùng chuyện hôi thúi mà chỉ để tâm đến việc tìm xác anh tôi, nên đành chịu trận như thế cho tới khi về.

Trước mắt tôi một bãi đất trống rộng khoảng gần một nửa sào đất nằm ngay bìa rừng, bao bọc là nhiều hầm dã chiến đất đào còn mới với chiều sâu khoảng nửa thước. Chung quanh miệng hầm là những vỏ đạn văng tứ tung. Còn có cả những dây điện và mảnh vỏ trái mìn Claymore bị nát ra sau khi nổ banh. Xác người nằm la liệt, ngổn ngang, rời rạc hay chất chồng lên nhau. Có xác nằm úp mặt xuống đất. Có xác nằm ngửa mặt lên trời. Có xác nằm gục lên xác người khác. Những xác này bị cột tay tréo ra sau lưng từ người này sang người khác. Nhưng hầu như, tất cả xác đều bị rã, không một người nào còn đủ nguyên hình dạng để nhận ra. Thân nhân chỉ còn xem quần áo và giấy tờ tùy thân, nếu có, là chứng vật để nhận dạng người chết. Nghe nói, họ đã bị giết trước đó khoảng mười ngày, tức là vào đêm đầu tháng 4, và mấy ngày sau thì bị một cơn mưa lớn làm xác chết rữa ra, không còn nguyên dạng nữa. Hôm đến đó, tôi mang đôi dép xẹp. Khi đi tìm xác anh tôi thì đạp lên những lớp bầy nhầy, nhão nhoẹt như bùn mà thật ra là thịt rã ra thấm vào đất, ngộp cả bãi cỏ, nên khi người đi qua thì thành lớp bầy nhầy, hôi thối không thể tả. Những xác người chỉ còn lại xương và quần áo không nguyên vẹn, có xác, thịt da chưa rã hết hoàn toàn sinh lên. Những bộ xương sọ với hàm răng hỏ ra thật to, có vẻ như khi chết họ la ó dữ lắm.

Ba cha con tôi tìm mãi, lật từng xác người, xem từng bộ đồ, lục từng túi áo để xem có giấy tờ gì của anh tôi không, mà không thấy. Tìm khắp mọi nơi trong bãi đất xử bắn cho đến trưa xế thì chúng tôi quyết định không tìm nữa vì không còn gì để tìm. Cha tôi nói phải

biết chính xác là anh tôi thì mới dám đem về chôn, chứ nếu không thì mình sẽ lấy nhầm xác của người khác là không nên. Vì vậy chúng tôi ra về. Lúc đó người vẫn còn ra vô để tìm xác thân nhân. Nhiều người lặn lội bên xác chết của thân nhân vừa tìm được, khóc than thảm thiết.

Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy cảnh tượng kinh hoàng của sự tàn ác do con người gây ra cho nhau. Trước đó, tôi từng đọc kinh Phật diễn tả về cõi địa ngục mà trong đó chúng sinh chịu nhiều cực hình đau khổ cùng cực, nhưng không hình dung ra được cảnh trạng đó thực sự như thế nào. Hôm đó tôi nghĩ địa ngục dù có kinh hoàng tới đâu thì chắc cũng cỡ này. Nhìn tận mắt thảm nạn bi thương tàn khốc này tôi cảm thấy chủ nghĩa cộng sản, con người cộng sản quá tàn ác, dù lúc ấy tôi mới chỉ là một đứa trẻ vị thành niên.

Trên đường về nhà, cả ba cha con tôi đều im lặng không nói gì, không ai khóc, dù ruột gan tôi và chắc hẳn ruột gan cha tôi và anh tôi cũng đều đau đớn không cùng tận như bị dao cắt đứt từng đoạn.

Người anh vừa mất của tôi tên Huỳnh Công Ước, là người anh thứ Bốn trong nhà. Cha mẹ tôi sinh ra mười người con, nhưng ba người vẫn sống bỏ đi trước, còn lại bảy người, bốn gái, ba trai. Lúc anh mất chừng khoảng ba mươi ba tuổi. Nhà nghèo, anh chỉ học tới lớp Ba gì đó thì phải nghỉ học để phụ giúp cha mẹ lo cho gia đình. Khi đến tuổi đi lính, anh nhập ngũ vào ngành cảnh sát quốc gia. Vì không có bằng trung học, anh chỉ là một cảnh sát viên quen về làm việc tại trụ sở xã ở địa phương. Anh nóng tính nhưng rất thương yêu gia đình và các em. Anh thay cha tôi dạy em rất nghiêm. Tôi nhớ hồi nhỏ mỗi lần có khách đến nhà là lũ em chúng tôi bị anh bắt ra vòng tay, cúi đầu, thưa hỏi đàng hoàng. Hồi bé, mấy anh chị em nhỏ chúng tôi hay gọi nhau bằng 'mày-tao' nên bị anh đánh đòn bắt phải xưng hô 'anh-chị' theo thứ lớp. Tôi là đứa em trai út lúc nhỏ hay nghịch ngợm nên bị anh la và đánh đòn hoai. Anh có gia đình được năm đứa con, ba gái, hai trai, đứa lớn nhất lúc đó chừng 6, 7 tuổi, đứa nhỏ nhất mới sinh được mấy ngày trước khi anh đi trình diện và bị giết.

Tôi nhớ trước cuộc triệt thoái của Quân Lực VNCH từ cao nguyên xuống Tuy Hòa qua đường Liên Tỉnh Lộ 7 vào giữa tháng 3 năm 1975, hôm đó trên đường chở tôi từ nhà xuống thành phố học, anh tôi nói như trần trời, kêu tôi ở lại chăm sóc cho cha mẹ và gia đình, còn anh thì chắc phải bỏ đi không thể ở lại được nếu CS vào đây. Nhưng rồi, ngày 01 tháng 4 năm 1975, khi CS chiếm tỉnh Phú Yên thì anh vẫn còn ở lại. Một hai ngày sau được lệnh CS kêu đi trình diện và sẽ được tha cho về trong vòng mười ngày. Ngày đi trình diện vì nghĩ rằng mười ngày sau là về nên anh chỉ đem theo một bộ đồ dự phòng gì đó, tôi không nhớ rõ. Cho đến khoảng mười ngày sau, thay vì nhận tin anh được thả về thì gia đình lại hay tin anh bị giết cùng với khoảng trên 120 quân-cán-chính VNCH mà trong đó gồm các viên chức dân quân cán chính xã, thôn tại địa phương. Tin anh chết cũng không được chính quyền chính thức loan báo cho gia đình biết mà do bà con có thân nhân đi học tập bị giết cùng chỗ với anh lén báo tin cho nhau nghe để đi tìm xác.

Khi ba cha con tôi về tới nhà từ chỗ tìm xác anh tôi thì thấy ở nhà mọi người đang buồn rầu, khóc lóc bi thảm. Rồi vài ngày sau nhà tôi thỉnh Thầy về làm lễ cầu siêu cho anh tôi. Hôm đó, trong lễ cầu siêu tổ chức nội bộ gia đình, cha mẹ tôi ghen ngào vì cảnh người tóc bạc đưa người tóc xanh. Đó là cảm trạng chung của những bậc cha mẹ trong thời chiến tranh! Có lẽ đa phần các gia đình Việt Nam đều trải qua kinh nghiệm đau thương này. Có gia đình mất mát tới mấy người con trai. Nhưng điều trở trêu là anh tôi không phải hy sinh trong chiến trận, nơi sa trường mà bị giết một cách mờ ám và tàn ác lúc đã quy hàng và trên tay không có gì để tự vệ, chứ đừng nói để hại người.

Trong vụ này, gia đình người con trai của bà Dì Năm, chị ruột của mẹ tôi, bốn cha con đều bị giết, gồm ông cha, hai đứa con trai và một người con rể.

Sau khi anh tôi chết, cha mẹ tôi buồn rầu đến sinh bệnh. Mẹ tôi hầu như tối nào cũng khóc thương vì nhớ và tội nghiệp cho người con trai bạc mệnh. Sức khỏe cha tôi suy yếu dần đến năm 1981 thì qua đời ở tuổi 66.

Bằng đi một thời gian độ mấy tháng sau vụ anh tôi chết, tức là sau 30 tháng 4 năm 1975, bỗng một hôm tôi nghe mẹ tôi nói ở ngoài người ta đồn anh tôi đã thoát chết trong

đêm định mệnh đó và trốn chạy được. Mẹ tôi kể, dĩ nhiên, chỉ cho gia đình nghe, có người nghe nói đêm đó anh tôi đã trốn được và thuê xe thổ chở xuống thành phố rồi đi thẳng vào Nam. Với tâm trạng thương nhớ anh tôi vừa mất, thì đối với gia đình tôi tin này là một điều gì đó vừa bất ngờ, vừa vui mừng khôn tả. Cả nhà tôi bàn tán với nhau suốt ngày về tin này và chỉ cầu mong anh tôi còn sống. Tuy nhiên, tin đồn này lại làm cho chính quyền địa phương để ý và theo dõi. Đạo đó tôi nghỉ học và ở nhà, nên biết rõ chuyện này. Nhiều đêm lúc về khuya chung quanh nhà có tiếng động và có người rình rập theo dõi. Chắc chính quyền muốn biết có phải anh tôi còn sống thực hay không.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, mẹ tôi quyết định đi tìm anh tôi. Tánh của mẹ tôi là vậy. Một khi bà đã nghe đồn về chuyện anh tôi thoát nạn trốn vào Nam thì không tài nào bà không đi tìm. Tôi nhớ, trước năm 1975, lúc anh Bốn tôi học cảnh sát ở quân trường Đà Lạt, mẹ tôi nhớ con mà đã lên tận đó để thăm, dù anh ấy chỉ đi học có mấy tháng. Khi anh Bảy tôi đi lính bị thương ở chiến trường Dakto-Tân Cảnh thuộc tỉnh Kontum, mẹ tôi cũng lặn lội lên đó để thăm. Sau năm 1975, chính xác là năm 1985, lúc tôi bị tù vượt biên ở Trà Vinh, mẹ tôi dù đã già yếu cũng một mình vào Sài Gòn nhờ người quen dẫn xuống đó để thăm tôi.

Kỳ này, mẹ tôi kêu anh Bảy tôi và tôi đi theo. Ba mẹ con khăn gói lên đường đi tìm anh tôi, dù không biết là đi đâu để tìm. Có lẽ trong đầu mẹ tôi đã có chủ hướng đi đâu tìm rồi. Còn tôi, đó là lần đầu tiên đi ra khỏi tỉnh mà lại đi thật xa nữa. Với tôi đó là chuyến đi đầy thích thú và hy vọng, thích thú vì được đi xa, hy vọng vì mong tìm được người anh. Chúng tôi xuống thành phố, đón xe đò đi vào Nam mà trạm dừng đầu tiên là Cam Ranh. Tôi nhớ khi tới Cam Ranh thì trời xế chiều. Ba mẹ con vào một cái vườn xoài bên đường quốc lộ và xin ở nhờ một đêm rồi sáng mai đi tiếp. Người chủ vườn xoài lòng dạ thật tốt đã cho chúng tôi ở tạm qua đêm. Ở đó chúng tôi hỏi thăm người ta xem những chỗ nào có người mới đến lập nghiệp thì đi tới kiểm. Người ở đây mách cho biết ở Bình Tuy, Long Khánh có nhiều chỗ dân từ ngoài mới vào khai khẩn đất đai lập nghiệp đông lắm. Ba mẹ con tôi nghe nói thế nên sáng mai lại đón xe đò xuôi Nam tiếp tục. Trên đường đi, chúng tôi bạ đầu ăn đó, hể tới giờ ăn mà đói bụng thì mua thức ăn dọc đường mà ăn. Nhiều khi tới giờ ăn, bụng đói nhưng xe đang chạy không có trạm dừng thì cũng đành nhịn đói. Cái ăn, cái ngủ vì vậy thật là thất thường và không đầy đủ trên suốt mấy ngày đi tìm anh tôi.

Vào đến Bình Tuy thì mặt trời đã gần xuống núi. Ba mẹ con tôi xuống xe ở đây và đi bộ vào khu dân cư mới lập nghiệp. Nhà cửa còn sơ sài, cả vách và mái đều làm bằng rạ. Đất đai vườn tược mới khai khẩn. Cây cối còn thưa thớt. Những miếng đất tranh rừng bị đốt cháy đen còn chờ mưa xuống để cày vỡ lên mà trồng trọt. Buổi chiều nhìn những cột khói bốc lên từ những mái tranh nhà bếp thô sơ ở quê người làm tôi nhớ nhà. Vào xóm, chúng tôi xin tá túc ở nhà một cặp vợ chồng có 2 con nhỏ cũng từ miền Trung mới vào lập nghiệp. Có lẽ thông cảm cảnh ly hương mà họ trải lòng dung chấp, dù chỉ một đêm ở tạm. Đêm đó mẹ tôi trò chuyện và hỏi thăm những người ở đây để tìm tung tích của anh tôi. Ngặt nỗi, chúng tôi không dám nói thật về tình trạng của anh tôi nên cũng chẳng tìm ra được manh mối gì.

Sáng hôm sau, ba mẹ con chúng tôi lại đón xe đi tiếp vào Nam. Tới Long Khánh lúc trời chiều. Chúng tôi xuống xe đi bộ dọc theo đường quốc lộ để dò thăm tin tức. Chỗ nào có nhà cửa mới dựng lên thì chúng tôi đều vào hỏi thăm. Đi tới gần tối thì gặp một ngôi chùa. Chúng tôi vào chùa xin nghỉ nhờ một đêm. Thầy trú trì, lâu quá tôi không nhớ đạo hiệu của Thầy, hỏi thăm và biết chúng tôi từ xa đến cả ngày đói bụng nên đã cho ăn bữa cơm chay thật ngon miệng. Khuya hôm đó nằm nghe tiếng chuông chùa ngân vang vào thời khóa thỉnh chung buổi sáng mà nhớ nhà, nhớ tiếng chuông chùa ở làng quê mình.

Với tình hình mấy bữa rồi lang thang đi tìm khắp nơi mà tin về người anh tôi vẫn biệt vô âm tín, như mò kim đáy biển, mẹ tôi quyết định không đi tìm nữa và trở về nhà. Sau một đêm ngủ nhờ cửa Phật, sáng hôm sau chúng tôi ra đường quốc lộ đón xe đò về nhà. Lúc ra đi chúng tôi mang theo hy vọng bao nhiêu thì khi trở về lòng dạ buồn đau tuyệt vọng bấy nhiêu.

Tin đồn anh tôi thoát nạn ở Lù Ba vẫn còn lưu truyền trong bà con làng xóm một thời gian sau đó. Nhưng mẹ tôi đã không còn có ý định đi tìm anh tôi nữa.

Với tôi, chuyện này vẫn cứ đi theo mãi. Cuối năm 1986, lúc đi vượt biên tới được đảo Pulau Bidong ở Mã Lai Á, tôi cũng đã có thăm dò và gửi danh sách tìm người mất tích cho Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc nhờ tìm dùm. Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc vào thời đó có chương trình giúp người tị nạn tìm kiếm thân nhân mất tích. Ngay cả những năm tháng mới đến Mỹ, tôi cũng thường nghe ngóng tin tức về anh tôi, nhất là trong các sinh hoạt của những hội đoàn cựu quân cán chính VNCH.

Nhiều khi nghĩ đến chuyện này tôi thấy mình như mâu thuẫn. Một mặt thì tự thân tôi cũng biết là anh tôi khó thoát chết trong vụ thảm sát đó rồi. Hơn nữa nếu anh còn sống thì chắc anh cũng đã liên lạc về gia đình bằng cách này hay cách khác, chứ chẳng lẽ anh không còn nhớ đến gia đình hay sao. Nhưng mặt khác thì dường như trong chỗ sâu kín của tâm tư tôi đôi khi cũng lóe lên một tia hy vọng mỏng manh rằng anh tôi còn sống. Giả như lúc mấy cha con tôi đi tìm mà thấy được xác anh tôi thì chắc hẳn chuyện này đã kết thúc ở đó.

Thế mới biết, ở cõi đời vô thường này có thứ mình muốn quên đi mà chưa chắc đã quên được dễ dàng. Giống như trong Duy Thức học của Nhà Phật có nói đến trường hợp “lạc tạ ảnh tử” — chủng tử kết sinh từ cái bóng rớt lại—trong A Lại Da Thức. Chỉ một cái bóng—của cánh hoa rơi, của ánh chiều tà, v.v... —thoáng qua ở một khoảnh khắc nào đó trong đời, vậy mà còn mãi trong tâm, có khi mang theo tử kiếp này đến kiếp khác nữa. Huống gì là cái chết đau thương của người anh ruột!

Nhưng bao năm trôi qua tôi cũng không còn nghe tin tức gì về anh tôi. Mọi thông tin về anh tôi như đã cùng với xác thân anh im lặng nằm sâu trong lòng đất.

Chắc bây giờ anh đã tái sinh thành một gã đàn ông trung niên bảnh bao, khí phách ở đâu đó trên cõi đời này. Biết đâu tôi đã từng gặp người đàn ông này mà chẳng quen biết gì nhau.